

# Hướng dẫn khảo sát sinh viên tốt nghiệp

“Theo dõi xu hướng việc làm của sinh viên tốt nghiệp”

**DỰ ÁN MOTIVE**

-Deliverable 6.5.-

*"Dự án được tài trợ bởi Ủy ban Châu Âu. Ấn phẩm phản ánh quan điểm của tác giả và Ủy ban không chịu trách nhiệm về những nội dung này."*

**Hướng dẫn Khảo sát sinh viên tốt nghiệp** dựa trên khảo sát của Hiệp hội các trường đại học Ý AlmaLaurea - điều phối dự án “**MOTIVE 609781**”. Hiệp hội đã có kinh nghiệm hơn 20 năm trong việc phát triển các cuộc khảo sát sinh viên tốt nghiệp. Bản hướng dẫn này cung cấp một số hiểu biết sâu sắc về phương pháp thực hiện khảo sát theo dõi sinh viên tốt nghiệp, từ việc lựa chọn nhóm đến trình bày kết quả, nhằm mục đích giúp xây dựng và phát triển các khảo sát tương tự ở Việt Nam.

## Nội dung

I.1 Giới thiệu	4
I.2 Khảo sát Motive về Theo dõi Sinh viên Tốt nghiệp	6
I.2.1 Các câu hỏi nghiên cứu chính .....	6
I.2.2 Xác định nhóm mục tiêu và phạm vi sinh viên tốt nghiệp.....	7
I.2.3 Phương pháp khảo sát .....	8
I.2.4 Cỡ mẫu, tỷ lệ trả về .....	10
I.2.5 Các biến phân chia chính .....	11
I.3 Kỹ thuật xác định sinh viên tốt nghiệp	16
I.3.1 Lưu trữ hành chính.....	16
I.3.2 Đạt được tỷ lệ phản hồi cao .....	17
I.4 Làm sạch dữ liệu và kiểm tra tính đại diện	19
I.5 Quy trình thống kê và trình bày kết quả bằng biểu đồ	20
I.6 Phổ biến và sử dụng	25
I.6.1 Tiềm năng sử dụng dữ liệu theo dõi sinh viên tốt nghiệp.....	25
I.6.2 Phân tích dữ liệu theo dõi sinh viên tốt nghiệp.....	26
I.6.3 Chia sẻ dữ liệu theo dõi sinh viên tốt nghiệp.....	27
Tài liệu tham khảo	29

## I.1 Giới thiệu

Theo dõi sinh viên tốt nghiệp nhằm đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo giáo dục đại học cũng như mức độ đáp ứng của chương trình đào tạo với nhu cầu của thị trường lao động. Sau đại dịch Covid, sự bùng nổ công nghệ số đang đặt ra nhiều thách thức đối với thị trường việc làm tại Việt Nam. Khoảng 70%-80% công việc hiện nay sẽ biến mất và được thay thế vào năm 2040. Chính vì vậy, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao có kỹ năng lao động là chiến lược hiệu quả, bền vững mang tính xu hướng.

Ở cấp độ châu Âu, chương trình nghị sự về kỹ năng mới (2016) kêu gọi các quốc gia thành viên và các bên liên quan cải thiện chất lượng, hiệu quả hoạt động của sinh viên tốt nghiệp. Ủy ban Châu Âu cũng đề xuất sáng kiến về việc theo dõi sinh viên tốt nghiệp, từ đó kịp thời hỗ trợ sinh viên đáp ứng các mục tiêu của thị trường lao động <sup>1</sup>.

Các cuộc khảo sát liên quan đến tình trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp ngày càng trở nên quan trọng với nhiều quốc gia và khu vực; giúp đặt nền móng bền vững cho nghiên cứu về sinh viên sau tốt nghiệp trên diện rộng ở châu Âu.

Năng lực việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp là vấn đề của nhiều quốc gia. Trong bối cảnh đó, Liên minh Châu Âu đã nhấn mạnh, “*kỹ năng là con đường dẫn đến sự thành công. Với những kỹ năng thích ứng phù hợp, sinh viên có việc làm chất lượng tốt, dễ dàng phát huy hết tiềm năng, tạo sự tự tin, năng động. Nền kinh tế toàn cầu đang thay đổi nhanh chóng, vai trò của kỹ năng trở nên quan trọng, quyết định khả năng cạnh tranh và đổi mới, sáng tạo. Chúng là yếu tố thu hút đầu tư và là chất xúc tác trong vòng tròn tạo việc làm và tăng trưởng kinh tế; là chìa khóa cho sự gắn kết xã hội*” (EC, 2016).

Mỗi quốc gia đều mong đợi những sinh viên tốt nghiệp đại học sẽ tạo ra động lực tích cực cho nền kinh tế và xã hội về mặt đổi mới, sáng tạo và tinh thần kinh doanh.

Sự cần thiết đầu tư vào giáo dục và đào tạo là một yêu cầu tất yếu trong việc duy trì, nâng cao và phát triển cá nhân, phát triển cộng đồng của một quốc gia.

---

<sup>1</sup> [http://europa.eu/rapid/press-release\\_IP-16-2039\\_en.htm](http://europa.eu/rapid/press-release_IP-16-2039_en.htm)

Bước quan trọng nhất để đạt được các mục tiêu chính sách này là sự sẵn có của dữ liệu chất lượng cao cho phép đưa ra các kết luận và khuyến nghị ở góc độ so sánh. Từ đó, giáo dục sẽ rõ ràng, bao quát hơn về các khía cạnh như tỷ lệ thất nghiệp, sự phù hợp giữa giáo dục và công việc, tiềm năng và triển vọng nghề nghiệp, năng lực và kỹ năng, trải nghiệm quốc tế của sinh viên tốt nghiệp, v.v.

Việt Nam cũng đang phải đối mặt với những vấn đề và thách thức xoay quanh năng lực việc làm của sinh viên. Dự án MOTIVE là một trong những giải pháp quan trọng cho các hành động và sáng kiến trong tương lai nhờ khảo sát Theo dõi Sinh viên Tốt nghiệp.

Cuộc khảo sát thí điểm tại các cơ sở giáo dục đại học trong Dự án MOTIVE bao gồm các khảo sát với tất cả các sinh viên các năm khác nhau sau tốt nghiệp.

Khảo sát giúp phân tích các chỉ số chính liên quan đến tình trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp (tỷ lệ có việc làm/thất nghiệp), đặc điểm của công việc, v.v.

Khả năng theo dõi sinh viên tốt nghiệp được coi là chức năng thiết yếu của hệ thống Đảm bảo Chất lượng hiệu quả vì nó cung cấp, thu thập thông tin về việc sử dụng kỹ năng, kiến thức trên thị trường lao động và tỷ lệ có việc làm.

## I.2 Khảo sát Motive về Theo dõi Sinh viên Tốt nghiệp

Khảo sát tình trạng việc làm là một cách tiếp cận mới để phân tích việc làm của sinh viên tốt nghiệp một cách tổng quát. Cuộc khảo sát thí điểm được thực hiện tại các cơ sở đại học nằm trong dự án MOTIVE.

Một trong những băn khoăn khi thực hiện khảo sát tình trạng việc làm ở Việt Nam là nên sử dụng khảo sát hay dữ liệu hành chính. Một cuộc khảo sát khó có thể chỉ dựa trên dữ liệu hành chính. Để theo dõi tình trạng việc làm, nên kết hợp dữ liệu từ bộ phận quản lý của các trường đại học với dữ liệu quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước. Phần lớn là do các quy định bảo vệ dữ liệu và/hoặc do thiếu các biến cần thiết để kết hợp các nguồn khác nhau. Một số biến như kỹ năng và năng lực, tình trạng việc làm, thu nhập, v.v. không thể xác định từ dữ liệu hành chính.

Khảo sát trực tuyến được khuyến nghị là phương pháp khảo sát được tất cả các tổ chức Giáo dục Đại học tham gia sử dụng vì chúng tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu thập và xử lý dữ liệu, từ đó đưa ra phương pháp tiết kiệm chi phí nhất. Cần tránh sử dụng kết hợp nhiều loại phương pháp, công cụ hoặc phần mềm khảo sát để không làm ảnh hưởng đến khả năng so sánh của dữ liệu.

Các khuyến nghị về thiết kế một nghiên cứu sau đại học ở Việt Nam bao gồm ba khía cạnh sau: phạm vi cơ sở, phạm vi bằng cấp và thời gian quan sát sinh viên sau tốt nghiệp đại học ở Việt Nam:

- ✓ Phạm vi cơ sở: các sinh viên tốt nghiệp từ các trường đại học tham gia dự án.
- ✓ Phạm vi bằng cấp: theo ý kiến của các bên liên quan, sinh viên tốt nghiệp từ cấp độ Cử nhân (hoặc tương đương) và cấp độ Thạc sĩ (hoặc tương đương) là nhóm sinh viên tốt nghiệp được xem xét. Khi xem xét định hướng của Bảng Tiêu chuẩn phân loại Giáo dục Quốc tế (ISCED), phần lớn các bên liên quan đều khuyến nghị đưa tất cả các định hướng vào khảo sát.
- ✓ Thời gian quan sát: thời gian quan sát (lần đầu) theo khuyến nghị của Bộ Giáo dục và Đào tạo (MOET) là trong vòng một năm sau khi tốt nghiệp.

### I.2.1 Các câu hỏi nghiên cứu chính

Để xác định dữ liệu thu thập cần dựa trên các câu hỏi nghiên cứu chính về việc theo dõi sinh viên tốt nghiệp.

Các câu hỏi chính bao gồm:

- ✓ Mức độ phù hợp của đào tạo với nhu cầu của thị trường lao động (tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm, mức lương khởi điểm, các kỹ năng có được trong chương trình đào tạo được sử dụng, v.v.), nó hỗ trợ như thế nào cho sinh viên tốt nghiệp trong việc tiếp tục học sau đại học.

- ✓ Các loại bằng cấp và đào tạo cụ thể (ví dụ như học nghề) đáp ứng được kỳ vọng như thế nào (tỷ lệ có việc làm đúng chuyên ngành, tỷ lệ tiếp tục học sau đại học, việc làm được duy trì ở mức độ nào).
- ✓ Ở cấp độ nhà cung cấp (các cơ sở giáo dục đại học), sự phù hợp của nội dung các khóa học hoặc chương trình đào tạo.

Có thể thêm các câu hỏi dành cho chương trình đào tạo cụ thể nhằm thừa nhận các chương trình khác nhau có thể mang lại kết quả khác nhau cho sinh viên tốt nghiệp. Nên phát triển các câu hỏi chính cho các nhóm cụ thể để so sánh kết quả.

Nghiên cứu thí điểm bao gồm các chủ đề chính sau: tình trạng việc làm, đặc điểm công việc, loại hình tổ chức doanh nghiệp, sự hài lòng trong công việc, thu nhập, v.v.

### **I.2.2 Xác định nhóm mục tiêu và phạm vi sinh viên tốt nghiệp**

Xác định rõ ràng nhóm mục tiêu (sinh viên tốt nghiệp) là nhiệm vụ trọng yếu. Nhóm mục tiêu cần được xác định như sau:

Sinh viên tốt nghiệp từ năm học T. Do cuộc khảo sát sẽ diễn ra vào giữa năm T+1 nên báo cáo sẽ bao gồm sinh viên tốt nghiệp 1 năm sau tốt nghiệp.

Cuộc khảo sát thí điểm nên bao gồm tất cả các sinh viên tốt nghiệp Đại học, Cao đẳng, Sau Đại học (cử nhân, thạc sĩ, cao đẳng) <sup>2</sup>.

Sinh viên tốt nghiệp được xác định theo thành phố nơi họ tốt nghiệp chương trình giáo dục đại học trong năm học T.

Tất cả các tổ chức tham gia Khảo sát Motive đều cung cấp các chương trình đào tạo cấp bằng cử nhân, thạc sĩ và cao đẳng.

Cần phải xác định đối tượng sinh viên tốt nghiệp nào sẽ được đưa vào cuộc khảo sát. Ví dụ: bao gồm những người rời bỏ chương trình đào tạo sớm (có thể giúp các nhà trường hiểu lý do tại sao một số

---

<sup>2</sup>Trường hợp và kinh nghiệm của AlmaLaurea: nhận xét về một số hệ chưa được khảo sát: khảo sát của AlmaLaurea không bao gồm những sinh viên tốt nghiệp đã đạt được nhiều hơn một trình độ học vấn. Trong đó, đối với người có bằng cấp 1 và cấp 2 chỉ xét bằng cấp 2, còn trường hợp sinh viên có 2 bằng cấp giống nhau thì chỉ xét bằng cấp 1 (xét theo ngày tốt nghiệp). Nếu một sinh viên được cấp bằng Khoa học Giáo dục Tiểu học và sau đó là bằng cấp thứ hai, thì bằng cấp thứ hai sẽ được ưu tiên. Người ta cũng quyết định loại trừ những sinh viên tốt nghiệp đã có bằng cấp học thuật trên cơ sở các quy ước đặc biệt. Trường hợp này chủ yếu liên quan đến: những người lao động trong ngành y tế có kinh nghiệm chuyên môn đã được Đại học Chieti-Pescara công nhận và cấp bằng cấp 1 của một trong các khoa của ngành y tế; các thành viên của lực lượng vũ trang và sĩ quan cảnh sát đã hoàn thành khóa học cấp bằng về Khoa học tổ chức và quản lý tại Đại học Tuscia hoặc chương trình cấp bằng cấp một Chuyên gia pháp lý kinh doanh tại Đại học Aquila hoặc chương trình cấp bằng đầu tiên về Khoa học pháp lý an ninh tại Rome của Đại học Tor Vergata (AlmaLaurea, 2020)

cá nhân rời khỏi chương trình đào tạo và những biện pháp can thiệp để duy trì); gồm cả những sinh viên tốt nghiệp đã di chuyển đến các thành phố khác kể từ khi hoàn thành chương trình học (giúp cung cấp cái nhìn toàn diện về chương trình và các phương pháp tiếp cận cụ thể cần được áp dụng); bao gồm sinh viên quốc tế hoặc sinh viên trong nước.

Cần phải xem xét những chương trình giáo dục và đào tạo nào nên được khảo sát. Tốt nhất là phạm vi càng lớn càng tốt.

### **1.2.3 Phương pháp khảo sát**

Cuộc khảo sát thí điểm sẽ được tiến hành trực tuyến. Các gợi ý về bảng câu hỏi được đưa ra dựa trên kinh nghiệm của Hiệp hội các trường đại học Alma Laurea (Italia). Các đối tác Việt Nam sẽ quyết định cách thức và địa điểm tổ chức việc thu thập dữ liệu tập trung.

Nghiên cứu định tính hay định lượng?

Thường rất khó để lựa chọn giữa phương pháp nghiên cứu định lượng và định tính. Như Lowhorn đã mô tả rõ ràng, một nhà nghiên cứu có thể chọn một phương pháp vì họ quen thuộc hơn với phương pháp đó hoặc có các yếu tố ảnh hưởng, chẳng hạn đề xuất của đồng nghiệp. Tuy nhiên, nghiên cứu sẽ hữu ích nếu quyết định dựa trên một phương pháp phù hợp, được cân nhắc kỹ lưỡng hơn là dựa trên sự lựa chọn đơn giản về thiết kế quen thuộc hoặc dễ dàng cho người nghiên cứu.

Nghiên cứu định lượng (xem Bảng 1 để biết các giả định chính) thiết lập các kết luận có ý nghĩa. Tổng thể bao gồm toàn bộ nhóm được nghiên cứu. Không quan trọng tổng thể rộng hay hẹp, nhưng các đối tượng phù hợp với mô tả của nhóm được nghiên cứu đều phải được đưa vào.

Nghiên cứu định lượng thường có hai loại: thực nghiệm hoặc mô tả. Nghiên cứu thực nghiệm kiểm tra tính chính xác của một lý thuyết bằng cách xác định xem (các) biến độc lập (do nhà nghiên cứu kiểm soát) có gây ảnh hưởng đến biến phụ thuộc hay không. Thông thường, các cuộc khảo sát, nghiên cứu tương quan và đo lường kết quả thực nghiệm được sử dụng để thiết lập quan hệ trong phạm vi đáng tin cậy.

Nghiên cứu mô tả đo lường mẫu tại một thời điểm và mô tả đơn giản cấu trúc của mẫu. Mặc dù đây không được coi là một bài tập khó hoặc mạnh mẽ về mặt thống kê, nhưng việc mô tả tốt các biến số sẽ giúp nhà nghiên cứu đánh giá kết quả thống kê trong bối cảnh thích hợp.

Trong các phương pháp định lượng, một trong những công cụ được sử dụng là khảo sát nghiên cứu cắt ngang và đọc sử dụng bảng câu hỏi hoặc phỏng vấn để thu thập dữ liệu với mục đích ước tính các đặc điểm của một tổng thể lớn dựa trên một mẫu nhỏ hơn của tổng thể đó.

Nghiên cứu định tính mô tả một sự kiện trong khoa học xã hội. Nhà nghiên cứu sẽ đưa ra những nhận định chủ quan giải thích đặc điểm, tính chất của các hành vi, hiện tượng. Thay vì thiết kế một thí



nghiệm và kiểm soát các biến số, các nhà nghiên cứu định tính sử dụng các phương pháp nhân chủng học và dân tộc học để nghiên cứu về văn hóa, ngữ cảnh xã hội của những người tham gia.

Nghiên cứu định tính tìm cách giải thích một tình huống cụ thể và chỉ mô tả tình huống đó trong nhóm được chọn.

Nghiên cứu trường hợp là một phương pháp định tính nghiên cứu chi tiết và chuyên sâu: các nhà nghiên cứu khám phá một thực thể hoặc hiện tượng bị giới hạn bởi thời gian và hoạt động (ví dụ: một chương trình, sự kiện, tổ chức hoặc nhóm xã hội) và thu thập thông tin chi tiết thông qua nhiều loại dữ liệu trong một khoảng thời gian dài.

Bảng 1 - Phương pháp định lượng và định tính: tóm tắt các giả định chính

Phương pháp định lượng	Phương pháp định tính
Sự thật là thứ có thể nghiên cứu được một cách khách quan	Sự thật tồn tại trong bất kỳ tình huống nào: nhiều quan điểm hoặc tiếng nói của những người cung cấp thông tin (chủ thể) được đưa vào nghiên cứu
Nhà nghiên cứu duy trì sự xa cách và độc lập với nội dung nghiên cứu	Nhà nghiên cứu tương tác với những gì mình nghiên cứu và chủ động giảm thiểu khoảng cách giữa họ với đối tượng nghiên cứu
Nghiên cứu chủ yếu dựa trên các hình thức suy luận logic, các lý thuyết và giả thuyết được kiểm tra để làm rõ mối quan hệ nguyên nhân - kết quả	Nghiên cứu dựa trên các hình thức logic quy nạp, các quan điểm xuất hiện từ những người cung cấp thông tin (chủ thể) hơn là được nhà nghiên cứu xác định trước
Mục tiêu là phát triển, khái quát hóa lý thuyết, cho phép nhà nghiên cứu dự đoán, giải thích và hiểu một số hiện tượng.	Mục tiêu là khám phá các mô hình hoặc lý thuyết giúp giải thích một hiện tượng

Tóm lại, trong khi nghiên cứu định lượng xác nhận một lý thuyết bằng cách tiến hành thí nghiệm và phân tích các kết quả, thì nghiên cứu định tính tìm ra lý thuyết có khả năng giải thích hành vi quan sát. Bằng cách này, có thể nói rằng nghiên cứu định lượng mang tính suy diễn nhiều hơn, nghiên cứu định tính mang tính quy nạp hơn. Việc lựa chọn phương pháp nghiên cứu phù hợp trong một nghiên cứu nhất định phải dựa trên vấn đề quan tâm, nguồn lực sẵn có, kỹ năng và trình độ của nhà nghiên cứu cũng như đối tượng nghiên cứu.

Liên quan đến các cuộc khảo sát của AlmaLaurea, được suy ra đối với nhóm sinh viên tốt nghiệp ở Ý, nghiên cứu định lượng là lựa chọn tốt nhất: cách tiếp cận như vậy trên thực tế phản ánh nhu cầu về thống kê và kết quả vững chắc.

#### 1.2.4 Cỡ mẫu, tỷ lệ trả về

Chiến lược lấy mẫu sẽ được MOTIVE xác định với sự đồng thuận chặt chẽ của các đối tác liên quan (có tính đến các đặc điểm của tổ chức cụ thể) để có được số lượng tối thiểu mang lại kết quả đáng tin cậy cho giới tính, độ tuổi, nền tảng kinh tế xã hội và các lĩnh vực khác nhau của các nhóm nghiên cứu.

Sau khi đã xác định được mục tiêu tổng thể cho khảo sát sinh viên tốt nghiệp, vì nhiều lý do khác nhau, chủ yếu là về mặt kinh tế, quy trình lấy mẫu là cần thiết. Lấy mẫu bao gồm việc chọn một phần tổng thể để các thành viên của mẫu cung cấp thông tin. Hai khía cạnh liên quan được xem xét trong quy trình lấy mẫu:

- ✓ Số lượng đơn vị trong mẫu, cung cấp mức độ sai số thống kê.
- ✓ Tính đại diện của mẫu trong mối quan hệ với tổng thể thông qua việc sử dụng các biến phân đoạn mẫu.

Khi thiết kế nghiên cứu, việc lựa chọn sai số ảnh hưởng đáng kể đến khối lượng lấy mẫu.

Các biến phân đoạn có thể được sử dụng để đảm bảo tính đại diện. Các biến số giúp xác định các nhóm gồm những cá nhân có hành vi tương đồng. Các biến phân đoạn cũng được lựa chọn theo mục tiêu của nghiên cứu. Chúng xác định các lớp trong mẫu, phải đầy đủ để tạo thành mẫu đại diện.

Nhóm nghiên cứu nên xác định các biến được đại diện trong mẫu. Các biến có thể có trong Khảo sát sinh viên tốt nghiệp là:

- ✓ Chuyên ngành
- ✓ Giới tính
- ✓ Quê quán
- ✓ Năm tốt nghiệp

AlmaLaurea đã mở rộng một cách có hệ thống khảo sát tình trạng việc làm đối với tất cả sinh viên tốt nghiệp sau một năm để có dữ liệu đáng tin cậy. Vì vậy, quy trình lấy mẫu được sử dụng thường xuyên hơn.

### 1.2.5 Các biến phân chia chính

Xuyên suốt báo cáo này, các kết quả sẽ được trình bày cụ thể theo các biến số chính sau:

- ✓ Tỷ lệ việc làm
- ✓ Giới tính
- ✓ Chuyên ngành

Về chuyên ngành nghiên cứu, để đảm bảo độ tin cậy và kết quả có thể so sánh giữa chín trường đại học thí điểm, người ta đề xuất phân biệt 10 chuyên ngành nghiên cứu trên cơ sở phân loại ISCED-F 2013 của UNESCO, cũng được tất cả các nước tham gia sử dụng để báo cáo dữ liệu tới EUROSTAT. Phụ lục 1.1 của chương này trình bày các chương trình nghiên cứu theo Tiêu chuẩn phân loại Giáo dục Quốc tế (ISCED-F 2013) tập hợp trong 10 chuyên ngành sau:

Phụ lục 1.1: Các chuyên ngành nghiên cứu

Mã số	Chuyên ngành đào tạo
01	Giáo dục
02	Nghệ thuật và nhân văn
03	Khoa học xã hội, báo chí và thông tin

04	Kinh doanh, quản lý và pháp luật
05	Khoa học tự nhiên, Toán học và thống kê
06	Công nghệ thông tin và truyền thông (ICTs)
07	Kỹ thuật, sản xuất và chế biến
08	Nông, lâm nghiệp, thủy sản và thú y
09	Sức khỏe và phúc lợi
10	Dịch vụ

Tuy nhiên, các thành viên của chương trình tại Việt Nam tách các chuyên ngành nghiên cứu lớn thành một số chuyên ngành nhỏ để xem xét chúng một cách riêng biệt, vì họ mong đợi những tình huống khác nhau trên thị trường lao động. Ví dụ, ngành "02 Nghệ thuật và nhân văn" bao gồm các nghiên cứu đa dạng như nghệ thuật, mỹ thuật, nhân văn, v.v. Có thể thấy rằng thu nhập của mỗi ngành cũng khác nhau trên thị trường lao động. Mặt khác, chuyên ngành "04 Kinh doanh, quản lý và pháp luật" bao gồm kinh doanh và luật, hai ngành có thể được xem xét riêng biệt do có số lượng lớn sinh viên và sinh viên tốt nghiệp.

Sự phân loại này đã được điều chỉnh cho phù hợp với dự án, đầu tiên có ảnh hưởng đến việc thu thập dữ liệu (do đó có tác động đến việc lấy mẫu). Để phân tích, các chuyên ngành này ít nhất phải được tổng hợp lại một phần (vì một số trường đại học có quá ít sinh viên tốt nghiệp trong một số chuyên ngành). Tuy nhiên, do việc phân loại rộng nên phân tích được thực hiện linh hoạt hơn.

Phụ lục 1.2: Chuyên ngành nghiên cứu đã được điều chỉnh – Khảo sát MOTIVE

Mã ngành	Tên chuyên ngành
614*	Khoa học Giáo dục và Đào tạo giáo viên
622*	Nhân văn
681*	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân
714	Khoa học Giáo dục và Đào tạo giáo viên
721	Nghệ thuật
722	Nhân văn
731	Khoa học xã hội và hành vi
732	Báo chí và thông tin
734	Kinh doanh và quản lý

738	Pháp luật
748	Máy tính và công nghệ thông tin
751	Công nghệ kỹ thuật
752	Kỹ thuật
754	Sản xuất và chế biến
762	Nông, lâm nghiệp và thủy sản
764	Thú y và sức khỏe
776	Dịch vụ xã hội
781	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân
785	Môi trường và bảo vệ môi trường

## **I.3 Kỹ thuật xác định sinh viên tốt nghiệp**

Một trong những yếu tố quan trọng nhất để thực hiện nghiên cứu về sinh viên tốt nghiệp là phải có cơ sở dữ liệu tốt, cập nhật về địa chỉ, số điện thoại và email của cựu sinh viên.

Độ tin cậy cao của cơ sở dữ liệu phụ thuộc vào nhiều yếu tố, chẳng hạn như sự phân bố địa lý của sinh viên tốt nghiệp, tính di động của công việc, quê quán, v.v. Độ tin cậy cũng phụ thuộc vào thông tin địa chỉ do sinh viên cung cấp. Địa chỉ của gia đình thường đáng tin cậy hơn địa chỉ của sinh viên khi học đại học.

Sau đây là danh sách một số kỹ thuật được sử dụng để tinh chỉnh và cải thiện cơ sở dữ liệu về địa chỉ của cựu sinh viên được sử dụng.

### **I.3.1 Lưu trữ hành chính**

Cơ sở dữ liệu tại các trung tâm hướng nghiệp và việc làm của trường đại học.

Cơ sở dữ liệu địa chỉ của sinh viên tốt nghiệp phải được tạo bằng cách thêm và kết hợp tất cả các cơ sở dữ liệu mà cơ sở giáo dục có sẵn. Do sự phân cấp của quá trình tuyển sinh hoặc các trường hợp khác, đôi khi cơ sở dữ liệu sinh viên được phân bổ khắp các văn phòng khác nhau của trường đại học. Trước khi tìm kiếm các nguồn thông tin khác từ bên ngoài, chúng ta phải kiểm tra tất cả những cơ sở dữ liệu nội bộ. Như vậy, các tổ chức có trung tâm hướng nghiệp và việc làm hoặc các dịch vụ tương tự khác nên bắt đầu từ những cơ sở dữ liệu này vì chúng thường được cập nhật thường xuyên.

Cơ sở dữ liệu tại các cơ quan hành chính công.

Ở một số nước, cơ sở dữ liệu của cơ quan hành chính công có thể được sử dụng để thu thập thông tin. Tuy nhiên, ở một vài nước, luật bảo mật dữ liệu sẽ hạn chế thông tin khi không có sự đồng ý rõ ràng của người liên quan.

Các hiệp hội nghề nghiệp.

Đối với một số bằng cấp, sinh viên tốt nghiệp có thể lựa chọn gia nhập làm thành viên của các hiệp hội nghề nghiệp. Các hiệp hội nghề nghiệp này có cơ sở dữ liệu được cập nhật và sự hợp tác của họ trong các nghiên cứu theo dõi sinh viên tốt nghiệp rất quan trọng.

Các hội sinh viên và cựu sinh viên.

Sinh viên tốt nghiệp thành lập các hội cựu sinh viên, thường dựa trên các hiệp hội sinh viên. Cơ sở dữ liệu của các hiệp hội này cập nhật thường xuyên hơn cơ sở dữ liệu của các tổ chức khác. Sự bảo trợ và thúc đẩy của hiệp hội này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho sự hợp tác trong nghiên cứu sinh viên tốt nghiệp.

Các hoạt động và dịp lễ.

Liên quan đến các điểm đã nói ở trên, chúng ta có thể tận dụng các ngày kỷ niệm hoặc bất kỳ loại hoạt động, nghi lễ kỷ niệm nào để yêu cầu những người tham dự cập nhật thông tin có sẵn trong cơ sở dữ liệu. Khi cần thiết, những hoạt động này có thể được sử dụng để cập nhật thông tin cần cho nghiên cứu sinh viên tốt nghiệp; hoặc tiến hành một thu thập dữ liệu bằng bảng câu hỏi.

Kỹ thuật quả cầu tuyết.

Kỹ thuật quả cầu tuyết bắt đầu với một nhóm nhỏ để có được thông tin về một nhóm lớn hơn nhờ các liên hệ và dữ liệu do mỗi thành viên trong nhóm nhỏ cung cấp. Khi liên lạc với sinh viên sau khi tốt nghiệp, họ thường cảm thấy biết ơn và sẵn sàng hợp tác bằng cách cung cấp địa chỉ, số điện thoại và/hoặc địa chỉ email của bạn học cũ. Do đó, kỹ thuật này cho phép cung cấp thêm cơ sở dữ liệu.

Các kỹ thuật khác.

Các phương pháp khác để thu thập thông tin về sinh viên tốt nghiệp bao gồm công cụ tìm kiếm trên Internet; sự phụ thuộc vào các công ty chuyên ngành; liên hệ với nhà tuyển dụng; quảng cáo nghiên cứu trên các phương tiện truyền thông.

Những kỹ thuật này mang lại nhiều khả năng cho tổ chức hoặc dịch vụ chịu trách nhiệm thực hiện nghiên cứu sinh viên tốt nghiệp. Lý tưởng nhất là có cơ sở dữ liệu nội bộ tốt và không dựa vào các nguồn bên ngoài cũng như các loại kỹ thuật khác để hoàn thành khảo sát.

### **I.3.2 Đạt được tỷ lệ phản hồi cao**

Thách thức chính đối với bất kỳ cuộc khảo sát nào là đạt được tỷ lệ phản hồi đủ để thực hiện phân tích kết quả nhằm trả lời tất cả các câu hỏi nghiên cứu chính. Cân nhắc ngân sách sẵn có cho các cuộc khảo sát như vậy (rõ ràng CAWI khảo sát trên web có chi phí thấp hơn phương pháp khảo sát qua điện thoại CATI). Để tăng tỷ lệ phản hồi khảo sát, một số hoạt động cần được xem xét:

- ✓ Khảo sát ngắn gọn và rõ ràng. Các cuộc khảo sát dài thường có phản hồi thấp vì người tham gia mất hứng thú hoặc không có thời gian để hoàn thành tất cả các câu hỏi.
- ✓ Gửi lời nhắc thường xuyên. Đây là một trong những cách quan trọng giúp tăng tỷ lệ phản hồi khảo sát. Bằng chứng từ nhiều nghiên cứu theo dõi sinh viên tốt nghiệp chỉ ra rằng cần thực hiện ít nhất 2 lần nhắc nhở.
- ✓ Sử dụng bộ phận hỗ trợ. Trong quá trình thu thập dữ liệu, một số sinh viên tốt nghiệp có thể thắc mắc hoặc chưa hiểu rõ các câu hỏi trong bảng khảo sát, chẳng hạn như các yếu tố cụ thể trong nội dung hoặc các vấn đề kỹ thuật. Để giải quyết vấn đề này, các trường đại học nên giải thích và hướng dẫn cách trả lời bảng câu hỏi (điện thoại hoặc trực tuyến).
- ✓ Lựa chọn ứng dụng dành cho thiết bị di động hoặc khảo sát trực tuyến có giao diện trên thiết bị di động giúp thu được phản hồi dễ dàng.

Dưới đây là minh họa về một cuộc khảo sát theo dõi đạt được tỷ lệ phản hồi cao.

AlmaLaurea cung cấp một ngân hàng dữ liệu rộng rãi về sơ yếu lý lịch, thu thập thông tin về cả sinh viên tốt nghiệp có kinh nghiệm làm việc lâu năm và sinh viên mới tốt nghiệp. Đây là một ngân hàng dữ liệu độc đáo vì nó thu thập dữ liệu đã được chứng nhận bởi các trường đại học khác nhau trong dự án. Ngân hàng dữ liệu này, có sẵn trực tuyến từ năm 1996, hàng năm có thêm ít nhất 150.000 chương trình giảng dạy mới (cả bằng tiếng Ý và tiếng Anh); cho đến năm 2022, tổng số chương trình giảng dạy lên tới hơn 3.500.000 .

Công cụ mà AlmaLaurea sử dụng là ngân hàng dữ liệu, kết quả của sự kết hợp các loại dữ liệu khác nhau ở các giai đoạn khác nhau. Dữ liệu được thu thập có thể được chia thành các loại sau.

Dữ liệu hành chính: được cung cấp bởi trường đại học. Dữ liệu này liên quan đến giảng viên, khóa học, điểm tốt nghiệp, thời gian của khóa học.

Dữ liệu sơ cấp do sinh viên cung cấp: các chứng nhận bao gồm thông tin về khóa học đã tham dự ở nước ngoài, kinh nghiệm làm việc, quá trình đào tạo; ngôn ngữ đã học, kỹ năng CNTT và khả năng xuất ngoại. .

Dữ liệu được sử dụng dưới dạng mã hóa để tạo ra số liệu thống kê (ẩn danh) do Bộ sử dụng nhằm đánh giá các trường đại học. Một phần của tài liệu này cung cấp CV của sinh viên đã tốt nghiệp, được thỏa thuận đưa vào ngân hàng dữ liệu của AlmaLaurea. Sinh viên tốt nghiệp có thể cập nhật thông tin trực tiếp trên mạng. Những sửa đổi này chủ yếu liên quan đến kinh nghiệm đào tạo và làm việc sau tốt nghiệp.

Trong nhiều năm, AlmaLaurea đã cung cấp một số dịch vụ cho sinh viên tốt nghiệp của mình. Trong đó: kiểm tra, cập nhật chương trình giảng dạy chính quy; khả năng duyệt và trả lời các đề xuất việc làm; thông báo về việc làm; thông báo về các chương trình đào tạo sau đại học; chứng nhận thành tích của sinh viên tốt nghiệp qua các cuộc thi và săn học bổng ở nước ngoài; cung cấp sẵn các CV bằng Tiếng anh. Việc cung cấp rộng rãi các dịch vụ này là trọng tâm để giữ chân sinh viên tốt nghiệp, đồng thời giúp cập nhật cơ sở dữ liệu liên tục.

## **I.4 Làm sạch dữ liệu và kiểm tra tính đại diện**

Danh sách kiểm tra sau đây (Schomburg, 2003, trang 172) hỗ trợ xác minh tính nhất quán của bảng hỏi:

Bảng câu hỏi có được hoàn thành bởi thành viên của nhóm mục tiêu không? Trong thời gian thực hiện khảo sát, cần nghiêm túc kiểm tra các địa chỉ gửi thư và can thiệp ngay khi có sai sót. Các bảng câu hỏi không được hoàn thành từ nhóm mục tiêu sẽ bị loại khỏi kết quả khảo sát (không nhập dữ liệu) nhưng tính vào tỷ lệ kết quả.



Bảng câu hỏi có được trả lời đầy đủ không? Trong các trường hợp, bảng câu hỏi không được hoàn thành với lý do chính đáng. Những bảng câu hỏi này sẽ bị loại khỏi kết quả khảo sát nhưng vẫn tính vào tỷ lệ kết quả.

Việc kiểm tra xem bảng câu hỏi đã được hoàn thành một cách nghiêm túc chưa không dễ dàng. Ví dụ: một loạt các câu trả lời đều được đánh giá điểm năm dẫn đến các kết luận sai ở mức độ nghiêm trọng. Việc kiểm tra này rất tốn thời gian nếu thực hiện một cách có hệ thống. Đôi khi các câu trả lời không hợp lý và đồng nhất. Vì vậy, cần kiểm tra ngẫu nhiên những dấu hiệu thiếu nghiêm túc khi thực hiện điều tra tổng thể. Trong quá trình phân tích dữ liệu, xác minh phải được thực hiện một cách có hệ thống.

Kiểm tra tính rõ ràng và nhất quán! Đây là giai đoạn tốn kém nhất trong quá trình kiểm tra dữ liệu nhằm xác định tính nhất quán của các câu trả lời. Điều này thường xảy ra khi người được phỏng vấn không tuân thủ các quy tắc đưa ra trong bảng câu hỏi:

- ✓ mặc dù yêu cầu chọn một đáp án duy nhất nhưng sẽ thấy có hai mục được đánh dấu
- ✓ người được phỏng vấn đánh dấu vào ô “khác” trong khi có đáp án phù hợp tương ứng;
- ✓ đối với thang điểm năm, hai dấu tích trên một dòng hoặc dấu tích giữa hai ô
- ✓ mã phản hồi không hợp lệ
- ✓ Các câu trả lời không mạch lạc

Những vấn đề này phụ thuộc vào phương pháp thu thập dữ liệu được áp dụng.

## **I.5 Quy trình thống kê và trình bày kết quả bằng biểu đồ**

Sau quá trình xử lý và làm sạch, dữ liệu sẽ được đưa vào thống kê mô tả và phân tích. Có rất nhiều phần mềm xử lý dữ liệu thống kê phổ biến (ví dụ: Nvivo, R, Stata, SAS, SPSS, v.v.). Các quy trình được thực hiện bởi các chuyên gia thống kê, hoặc dựa trên các tài liệu liên quan.

Trong quy trình xử lý, cần trình bày các bảng tần suất, tỷ lệ phần trăm của các biến độc lập và phụ thuộc có mối quan hệ tương quan. Các số liệu thống kê rất hữu ích cho việc phân tích dữ liệu đối với biến định lượng. Các chỉ số như giá trị trung bình, trung vị hoặc mode đánh giá độ tập trung của dữ liệu. Trong khi đó, để xác định độ phân tán cần các chỉ số như khoảng biến thiên, độ lệch chuẩn, phương sai.

Cuối cùng, để đánh giá trọng số của nhóm biến này với nhóm kia, cần xác định mối tương quan giữa các biến và đo lường ảnh hưởng qua phương pháp phân tích đa biến. Cần phải dựa trên các kiến thức chuyên môn để đưa ra các kết luận và nhận định.

Việc trình bày và thông tin hiệu quả các đánh giá thống kê cũng quan trọng như việc tiến hành phân tích. Một báo cáo không đầy đủ, mơ hồ hoặc việc truyền đạt kém hiệu quả có thể ảnh hưởng đến toàn bộ nỗ lực của quá trình nghiên cứu.

Do đó, phần tiếp theo sẽ đề cập đến các khía cạnh lý thuyết khi lập bảng trình bày kết quả phân tích nghiên cứu, mô tả. (đơn biến, hai biến hoặc đa biến).

Kết quả mô tả có thể được trình bày dưới dạng bảng hoặc biểu đồ. Mặc dù định dạng biểu đồ và bảng khá tương đồng về mặt cung cấp thông tin, đôi khi biểu đồ chứa ít thông tin hơn - nhưng nó có tác động truyền đạt và dễ hiểu hơn đối với độc giả có ít kiến thức về thống kê.

Bất kể áp dụng phương pháp trình bày dữ liệu nào, tiêu đề của bảng hoặc biểu đồ phải thể hiện được chủ đề phân tích, các biến và loại phân tích thống kê (ví dụ: nếu đó là phân bố tần suất hoặc tính toán trung bình). Bảng (và tiêu đề của bảng) phải “tự giải thích”, nói cách khác, chứa tất cả các yếu tố cần thiết để độc giả có thể hiểu mà không cần phải xem lại dữ liệu gốc.

Một phần quan trọng không kém là phản hồi không đầy đủ (tức là khi người được phỏng vấn không trả lời một câu hỏi cụ thể) hoặc thiếu thông tin (tức là không có dữ liệu). Nhà nghiên cứu có thể quyết định đưa chú thích vào, tùy thuộc vào quan điểm của nhà nghiên cứu xem điều này có quan trọng đối với việc giải thích chính xác toàn bộ bảng hay không.

Trình bày kết quả dưới dạng bảng. Một bảng trình bày tốt phải hiệu quả (tối ưu chi phí), đầy đủ (chứa tất cả thông tin cần thiết để hiểu đúng) và phù hợp (phù hợp với mục tiêu nghiên cứu). Sự cân bằng phù hợp được xác định bởi "nguyên tắc tiết kiệm.": bảng chỉ cung cấp thông tin hữu ích – quá nhiều con số dễ gây nhầm lẫn cho người đọc.

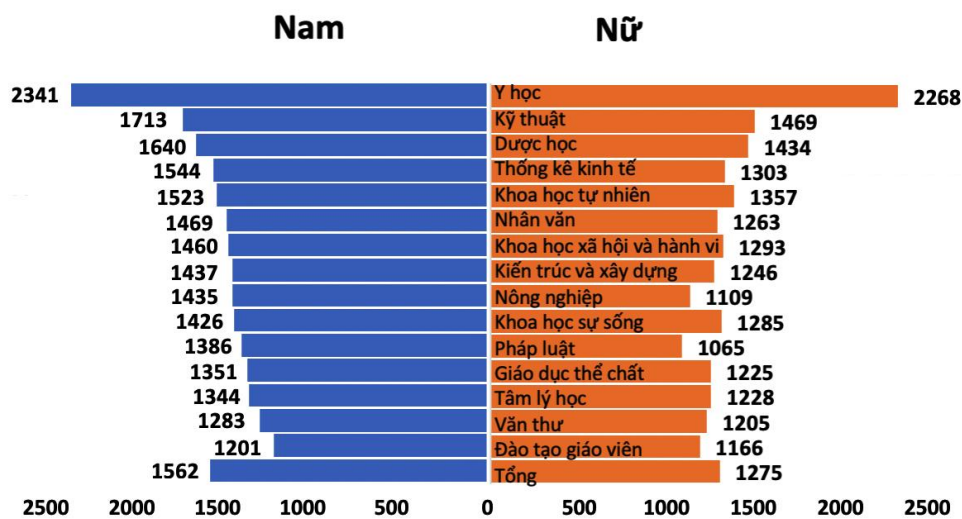
Trình bày kết quả ở dạng biểu đồ. Như đã đề cập, sử dụng biểu đồ giúp người đọc hiểu được dữ liệu được đề xuất một cách hiệu quả. Để lựa chọn biểu đồ, phải xác định chính xác tỷ lệ tham chiếu giữa các trục. Bất kỳ sự thay đổi nào về tỷ lệ đều ảnh hưởng đến nhận thức trực quan của người đọc về báo cáo.

Biểu diễn dữ liệu bằng biểu đồ đặc biệt chiếm ưu thế khi cần lựa chọn một vài thông tin chính trong toàn bộ bảng. Tuy nhiên cũng cần thận trọng khi lựa chọn các giá trị muốn trình bày.

Các phân tích đơn biến, hai biến hoặc đa biến dựa trên các công cụ và kỹ thuật trình bày khác nhau. Do dễ đọc, đồ thị được sử dụng để làm nổi bật các đặc điểm chính của tổng thể. Các biểu đồ được sử dụng phổ biến là biểu đồ cột, biểu đồ tần suất, biểu đồ tròn, đường cong tần số và biểu đồ đường.

Biểu đồ được sử dụng để trình bày phân phối tần số tuyệt đối hoặc tương đối. Biểu đồ thanh hoặc cột thường được sử dụng để so sánh phân bố của một biến trong hai quần thể khác nhau; biểu đồ thanh theo cặp hoặc đối lập được sử dụng để so sánh tổng thể giữa nam và nữ.

Ví dụ 1 : Sinh viên tốt nghiệp trước cải cách khóa 2005 có việc làm sau 5 năm tốt nghiệp: thu nhập hàng tháng sau thuế theo giới tính và nhóm môn học

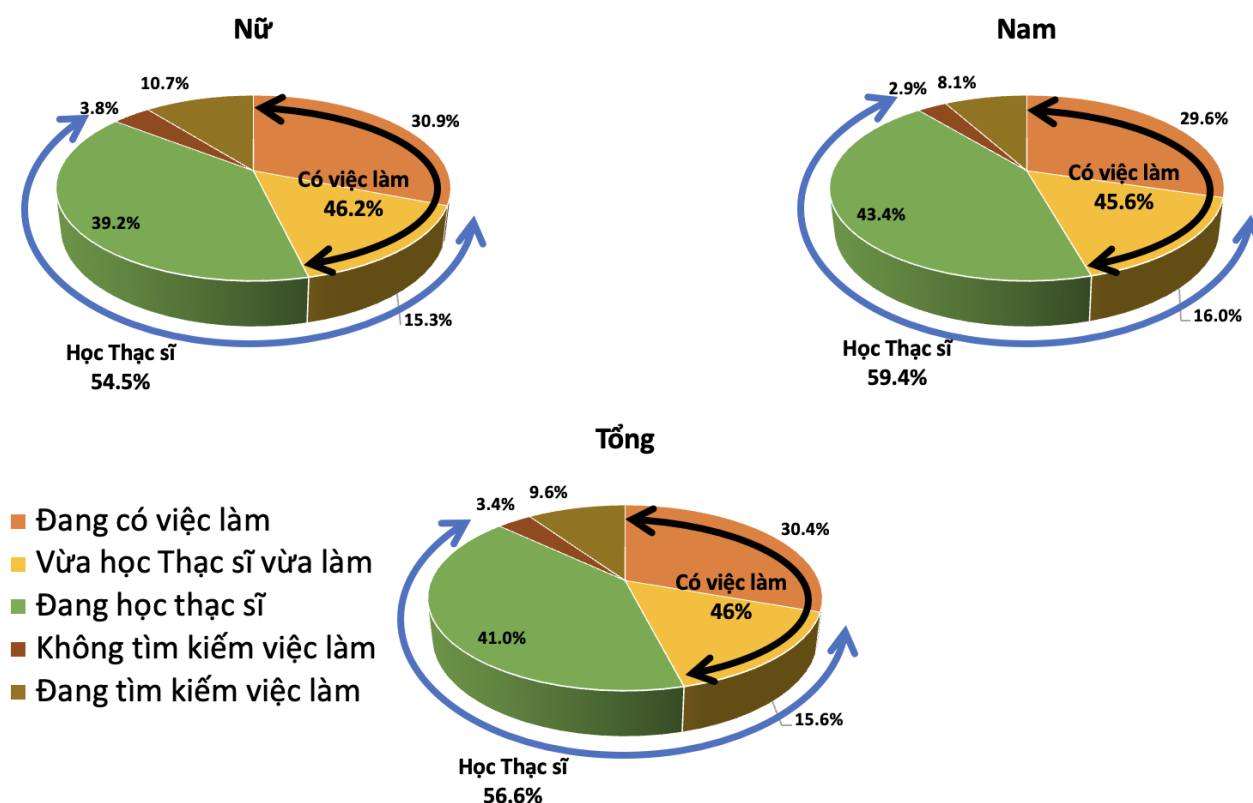


Biểu đồ thanh đối lập nêu rõ sự khác biệt giữa hai nhóm nam và nữ. Tiêu đề là các từ khóa giúp xác định chính xác chủ đề là thu nhập hàng tháng trừ thuế 5 năm sau tốt nghiệp. Nhà nghiên cứu lựa chọn sắp xếp các thanh theo thứ tự giảm dần về thu nhập của nam giới, nhấn mạnh sự phân bố thu nhập khác nhau giữa nam và nữ trong mỗi ngành. Ví dụ: nam giới trong nhóm y học kiếm được nhiều tiền hơn so với nữ. Thang đo tham chiếu trên trục x giúp người đọc xác định số lượng một cách dễ dàng. Biểu đồ hình tròn dùng để đưa ra một bức tranh so sánh về tổng thể. Nó có thể là biểu đồ chia tách hoặc biểu đồ hình tròn.

Ví dụ 2 đưa ra ba biểu đồ tròn thể hiện tần suất của tình trạng việc làm và điều kiện đào tạo nâng cao trong một năm theo giới tính. Tiêu đề một lần nữa thể hiện ngay đối tượng phân tích (kinh nghiệm làm việc và đào tạo).

Mỗi biểu đồ có một tiêu đề riêng chỉ rõ đối tượng sinh viên tốt nghiệp được xem xét (Nữ, Nam và Tổng). Ngoài ra, các biểu đồ đặt cạnh nhau giúp người đọc so sánh và đối chiếu; chú giải ở cuối dùng cho cả 3 biểu đồ.

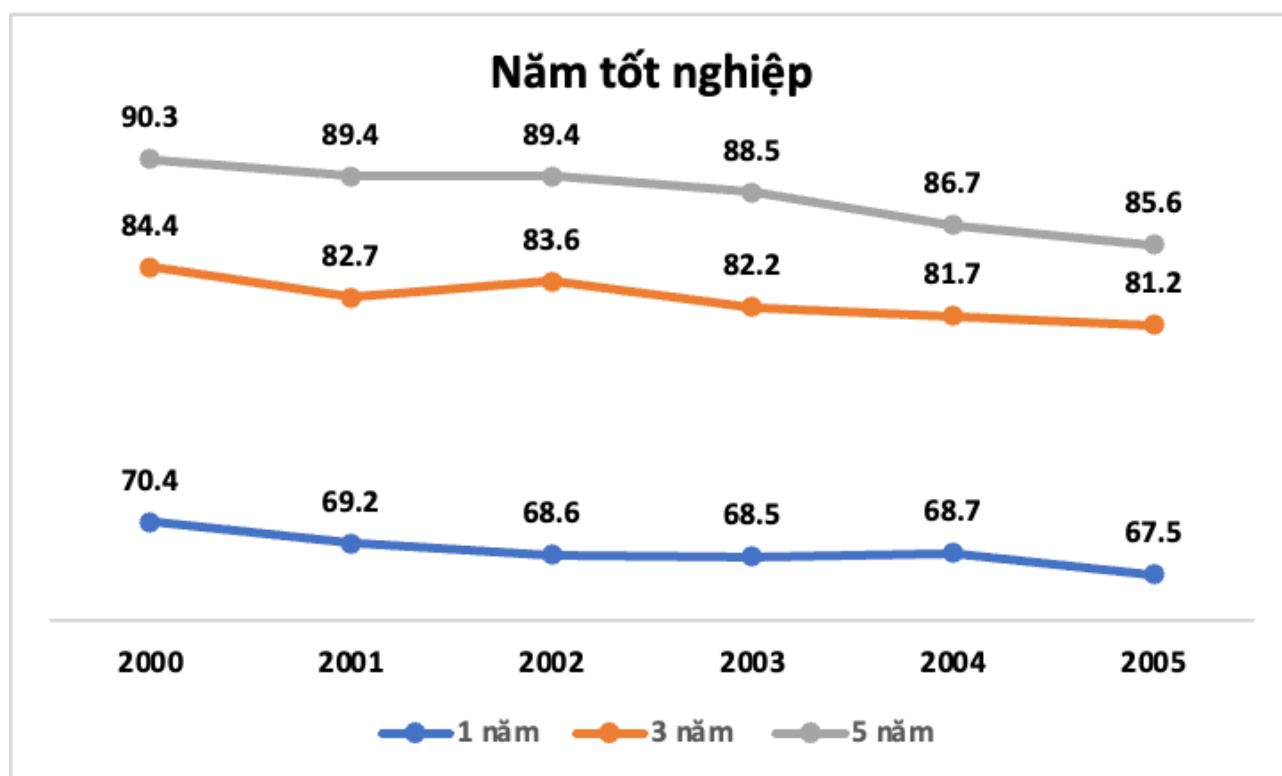
Ví dụ 2 - Sinh viên tốt nghiệp 2009 sau một năm: công việc và điều kiện đào tạo theo giới tính



Biểu đồ đường được sử dụng để biểu thị tình trạng việc làm vì khả năng minh họa hiệu quả theo thời gian.

Biểu đồ trong Ví dụ 3 biểu diễn các số liệu theo thời gian cho thấy tỷ lệ có việc làm sau 1, 3 và 5 năm tốt nghiệp. Tiêu đề thể hiện rõ ràng thông tin. Đường nét đứt cung cấp bức tranh trực quan về xu hướng việc làm trong những năm gần đây.

Ví dụ 3 - Sinh viên tốt nghiệp trước cải cách giai đoạn 2000-2005: tỷ lệ có việc làm sau 1, 3 và 5 năm sau khi tốt nghiệp (giá trị phần trăm)



## I.6 Phổ biến và hữu dụng

Trong phần này, chúng tôi gợi ý cách sử dụng dữ liệu từ việc theo dõi sinh viên tốt nghiệp hiệu quả và phổ biến đến mọi người trong xã hội cũng như các bên liên quan.

### I.6.1 Tiềm năng sử dụng dữ liệu theo dõi sinh viên tốt nghiệp

Dữ liệu theo dõi sinh viên tốt nghiệp đã được chứng minh ở nhiều quốc gia EU và EEA nhằm mang lại giá trị cho các bên liên quan: từ định hướng cá nhân đến nhà cung cấp và quốc gia, phục vụ các nhà hoạch định chính sách và người thực hiện, bao gồm:

- ✓ Có vấn đề nghề nghiệp, người học và phụ huynh: cho phép các bên liên quan so sánh các chương trình và nhà cung cấp để đưa ra quyết định sáng suốt hơn. Dữ liệu cũng đưa ra mức lương khởi điểm trung bình cho sinh viên tốt nghiệp trong các ngành/lĩnh vực cụ thể.
- ✓ Nhà cung cấp: cung cấp thông tin về tính hiệu quả của các chương trình và lĩnh vực đặc thù để có thể cải thiện chương trình giảng dạy/chương trình đào tạo.
- ✓ Cơ quan đảm bảo chất lượng: có thêm một công cụ để đo lường chất lượng của nhà cung cấp.
- ✓ Bộ Giáo dục hoặc tương đương (các nhà hoạch định chính sách giáo dục): giám sát việc thực hiện chính sách; xác định các lĩnh vực cần cải thiện cũng như kiểm tra tính hiệu quả của các chương trình thí điểm và chương trình mới. Bên cạnh đó, dữ liệu giúp so sánh nguồn cung với dự báo thị trường lao động và lợi nhuận kinh tế của các chương trình đào tạo cụ thể.

- ✓ Các tác nhân trên thị trường lao động: để hiểu tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp làm việc trái ngành và đúng ngành ở mức độ nào.
- ✓ Các nhà nghiên cứu thị trường lao động: để hiểu lợi ích và giá trị của các chương trình giáo dục hoặc đào tạo cụ thể.

### 1.6.2 Phân tích dữ liệu theo dõi sinh viên tốt nghiệp

Để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan khác nhau, dữ liệu theo dõi sinh viên tốt nghiệp cần được phân tích ở nhiều cấp độ khác nhau. Mức độ chi tiết sẽ phụ thuộc vào cỡ mẫu, nhưng lý tưởng nhất là nên phân tích dựa trên:

- ✓ Nghề nghiệp/lĩnh vực nghiên cứu, để xác định tính hiệu quả của các chương trình trong việc đáp ứng nhu cầu kinh tế/người sử dụng lao động.
- ✓ Cấp độ ISCED/EQF, để xác định mức lương/việc làm cho người học ở các chương trình cấp độ khác nhau (ví dụ: về trình độ chuyên môn).
- ✓ Loại chương trình, để chứng minh tác động và hiệu quả của các chương trình cụ thể.
- ✓ Phân bố theo địa lý, để khám phá sự khác biệt, hỗ trợ kịp thời các nhà cung cấp/sinh viên tốt nghiệp ở các khu vực cụ thể (ví dụ: vùng sâu vùng xa hoặc vùng núi).
- ✓ Các đặc điểm của sinh viên tốt nghiệp (chẳng hạn như giới tính, dân tộc, tuổi tác, hoàn cảnh kinh tế xã hội, du học, v.v.), để khám phá kết quả của các nhóm sinh viên tốt nghiệp cụ thể.

Để có ý nghĩa, bất kỳ phân tích nào cũng cần phải so sánh giữa các nhóm. Ví dụ: các cơ sở giáo dục có cùng loại hình và quy mô; có vị trí tại các khu vực phát triển tương đồng về cơ hội trên thị trường lao động. Ngoài ra, kết quả của sinh viên tốt nghiệp có thể được so sánh với một nhóm cá nhân tương tự nhưng chưa tốt nghiệp.

### 1.6.3 Chia sẻ dữ liệu theo dõi sinh viên tốt nghiệp

Mức độ sử dụng dữ liệu theo dõi sinh viên tốt nghiệp của các bên liên quan tùy thuộc vào cách phổ biến thông tin. Các quốc gia đã áp dụng nhiều cách tiếp cận trong việc phổ biến thông tin, đảm bảo tôn trọng các quy định, thể chế của quốc gia về tính bảo mật, bảo vệ dữ liệu và quyền riêng tư. Có thể đại diện và thực hành hiệu quả:

- ✓ Cung cấp dữ liệu tóm tắt ở định dạng dễ truy cập, trực tuyến hoặc dưới dạng in. Điều này cho phép một loạt các bên liên quan, bao gồm cả phụ huynh, người học và người sử dụng dữ liệu thị trường lao động có được những hiểu biết sâu sắc về thông tin.
- ✓ Cung cấp các bảng đối sánh cho phép các bên liên quan nhìn nhận, đánh giá hiệu quả của các nhà cung cấp và chương trình cụ thể, nếu cỡ mẫu đủ lớn. Tài liệu này có thể được xuất bản riêng cho các dịch vụ tư vấn nghề nghiệp hoặc cho người học và phụ huynh.

- ✓ Cho phép cung cấp dữ liệu thô tới các nhà nghiên cứu, nhà cung cấp và các bên liên quan tâm khác. Điều này chỉ nên được cung cấp nếu có đủ biện pháp bảo vệ để tránh dữ liệu bị lạm dụng.
- ✓ Cung cấp dữ liệu thân thiện ở định dạng trực quan hóa (ví dụ: biểu đồ).

Việc trình bày dữ liệu theo dõi sinh viên tốt nghiệp phải đi kèm với thông tin về phương pháp thực hiện và điều khoản về bảo mật dữ liệu. Cần thực hiện thông qua phụ lục kỹ thuật gồm các câu hỏi khảo sát chính, tiêu chí lấy mẫu (nếu có), tỷ lệ phản hồi và mức độ phản hồi phù hợp với nhóm sinh viên tốt nghiệp, các nhóm ít được đại diện, nguồn dữ liệu được sử dụng, tiêu chí và vấn đề về chất lượng và độ chính xác.

Ở các quốc gia, ngành giáo dục đại học được giao nhiệm vụ trang bị cho sinh viên thích ứng với môi trường sau tốt nghiệp. Nhiệm vụ này bao hàm các khía cạnh khác nhau, chẳng hạn như khả năng gia nhập thị trường lao động, khả năng việc làm lâu dài, kỹ năng xử lý (cần thiết trong bối cảnh quốc tế và thị trường lao động hiện nay), cũng như thúc đẩy các giá trị dân chủ và quyền công dân. Các nền tảng để học lên tiếp là rất quan trọng, đặc biệt trên con đường phát triển sự nghiệp, sinh viên tốt nghiệp cần không ngừng trau dồi kinh nghiệm, kỹ năng mới để phù hợp với những thay đổi trong thị trường lao động khi những kỹ năng trước đây đã trở nên lỗi thời.

Một khía cạnh các cơ sở đào tạo cần bổ sung xem xét là các kỹ năng quản lý, kinh doanh và lãnh đạo. Doanh nhân được xem như nền tảng cốt lõi của thị trường lao động hiện tại và tương lai. Kỹ năng khởi nghiệp không chỉ phù hợp với các doanh nhân mà còn phù hợp với những người làm việc cho các công ty, giúp mở rộng tầm nhìn vượt ra ngoài những giới hạn truyền thống trong công việc và đưa ra các giải pháp sáng tạo. Theo đó, hệ thống giáo dục đại học cần xem xét các phương pháp tiếp cận nhằm khuyến khích, cung cấp cho sinh viên các kỹ năng kinh doanh, khởi nghiệp. Điểm này liên quan đến việc đánh giá kinh nghiệm học thuật, đang được phát triển trong bảng câu hỏi MOTIVE thuộc Dự án Erasmus+ triển khai tại Việt Nam với 9 trường đại học thí điểm.



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

Hiệp hội các trường đại học AlmaLaurea (AálmaLaurea). (2020). Ghi chú phương pháp vào cơ sở dữ liệu trực tuyến:

[https://www.almalaurea.it/sites/almalaurea.it/files/docs/universita/occupazione/occupazione18/note-occupazione2019\\_en.pdf](https://www.almalaurea.it/sites/almalaurea.it/files/docs/universita/occupazione/occupazione18/note-occupazione2019_en.pdf)

Ủy ban Châu Âu (EC). (2013). Thách thức về kỹ năng không phù hợp ở Châu Âu (Ủy ban Châu Âu, chủ biên, 2013a), Việc làm và phát triển xã hội ở Châu Âu 2012, Chương 6, trang 351–394, Brussels: Liên minh Châu Âu: <https://data.consilium.europa.eu/doc/tài-liệu/ST%205571%202013%20ADD%209/EN/pdf>

Ủy ban Châu Âu (EC). (2016). Chương trình nghị sự về kỹ năng mới cho châu Âu. Cùng hợp tác để tăng cường nguồn nhân lực, khả năng làm việc và khả năng cạnh tranh, Thông tin từ Ủy ban 175 tới Nghị viện Châu Âu, Hội đồng, Ủy ban Kinh tế và Xã hội Châu Âu và Ủy ban Khu vực, Brussels: Liên minh Châu Âu, doi: <https://ec.europa.eu/transparency/regdoc/rep/1/2016/EN/1-2016-381-EN-F1-1.PDF>

Ủy ban Châu Âu EC. (2017). Thông báo từ Ủy ban tới Nghị viện Châu Âu, Hội đồng, ủy ban kinh tế và xã hội Châu Âu và Ủy ban các khu vực về chương trình nghị sự đổi mới của EU cho giáo dục đại học cuối cùng COM/2017/0247

Bảng phân loại quốc tế về giáo dục

[https://ec.europa.eu/eurostat/statistics-explained/index.php/International\\_Standard\\_Classification\\_of\\_Education\\_\(ISCED\)#Implementation\\_of\\_ISCED\\_2011\\_28levels\\_of\\_education.29](https://ec.europa.eu/eurostat/statistics-explained/index.php/International_Standard_Classification_of_Education_(ISCED)#Implementation_of_ISCED_2011_28levels_of_education.29)

Phân loại quốc tế về giáo dục <http://uis.unesco.org/sites/default/files/documents/international-standard-classification-of-education-fields-of-education-and-training-2013-detailed-field-mô-tả-2015-en.pdf>

H. Schomburg, Sổ tay Nghiên cứu Theo dõi sinh viên tốt nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục Đại học và Việc làm, Đại học Kassel, 2003

Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam, Thông tư số 26/2021/TT-BGDĐT - Quy định hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học

Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam, Thông tư số 7/2022/TT-BGDĐT - Tư vấn nghề nghiệp và hỗ trợ khởi nghiệp trong cơ sở giáo dục